

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2020/HS-PT
Ngày: 27-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 579/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo P V N, do có kháng cáo của bị cáo N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 161/2019/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố H, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2020/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020. Quyết định hoãn phiên tòa số: 2777/2020/HSPT-QĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020.

- Bị cáo có kháng cáo: P V N, giới tính: Nam; sinh ngày 10/9/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 46U Thuận Kiều, Phường N, Quận M, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Không; con ông P V H và bà T T H; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/9/2019, Tòa án nhân dân Quận N xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo kháng cáo bản án này.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 21/5/2019 đến nay (có mặt)

Ngoài ra còn có 03(ba) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

Người bị hại: Anh D Q T; sinh năm: 1994; nơi cư trú: 9/19 Nguyễn Sĩ Cốc, Phường N, Quận M, Thành phố H (vắng mặt)

Người bào chữa cho bị cáo P V N: Ông T V T luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N H S, L T H, V H Q, P V N và H, B C Con (chưa rõ lai lịch) có quen biết nhau từ trước. Khoảng 01 giờ, ngày 24/12/2018 Sơn rủ và được N, H, Q, B C, H đồng ý đến công viên Bãi Sậy, Quận N uống nước, cả 3 đồng ý. Sau khi uống nước, S chuẩn bị sẵn 01 cây mã tấu dài khoảng 60 cm và rủ cả nhóm đi cướp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, cả nhóm đồng ý. Sau đó, H dùng xe gắn máy (không rõ biển số) chở Q và N, Q chở S phía sau cầm theo cây mã tấu, B C điều khiển xe đi một mình, khi S và đồng phạm đi đến đường An Dương Vương, Quận N, Sơn phát hiện anh D Q N điều khiển xe gắn máy đi giao hàng (cá) phía trước nên thông báo cho cả nhóm biết. Thực hiện ý định, cả nhóm điều khiển xe vượt lên phía trước, sau đó vòng xe lại lúc này khoảng 03 giờ ngày 24/12/2018 tại trước nhà số 08 An Dương Vương, Phường N, Quận N, H chặn đầu xe anh N, B C chặn phía sau, H điều khiển xe lên song song ép xe anh N dừng lại. Sau đó, H, H dùng xe để S, N, Q tiến sát anh N, S nói: “có bao nhiêu tiền đưa hết đây” thì N, Q, H và B C cũng làm áp lực nói anh N giao hết tiền cho Sơn nhưng anh Nhân không đồng ý, Sơn lấy cây mã tấu chém vào nón bảo hiểm anh N đang đội trên đầu làm anh N ngã xe, S giật được túi xách và kêu đồng phạm tẩu thoát về công viên Bãi Sậy, Quận N. Tại đây, S lấy túi xách ra kiểm tra phát hiện có 43.000.000 đồng và 01 điện thoại OPPO. S chia cho mỗi người 6.000.000 đồng, số còn lại S giữ tiêu xài chung. Riêng chiếc điện thoại S đưa cho Q đi bán nhưng trên đường đi bán Q làm rơi mất, còn chiếc túi xách đưa cho H.

Ngày 08/01/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận N kết luận 01 điện thoại di động hiệu OPPO đã qua sử dụng, hàng nước ngoài sản có giá trị 2.400.000 đồng, 01 túi xách do không có hiệu, loại nên không định giá được.

Ngày 04/01/2019 Công an Quận N khởi tố vụ án, ngày 16/5/2019 khởi tố bị can và ngày 21 tháng 5 năm 2019 bắt tạm giam đối với L T H, V H Q, P V N; Ngày 26/6/2019 khởi tố và ngày 27/6/2019 bắt tạm giam đối với N H S về tội Cướp tài sản.

Trách nhiệm dân sự: Anh N khai chiếc điện thoại di động hiệu OPPO anh cầm trên tay thì bị 01 thanh niên trong nhóm của Sơn giật, nhưng S, khai nhận chiếc điện thoại của anh N có trong túi xách đựng tiền. Sau khi S cướp được túi xách thì thấy có điện thoại trên trong túi xách và đưa cho Q đi bán, nhưng Q làm rơi mất. Đại diện gia đình các bị cáo N, Q và H đã bồi thường cho anh D Q N tổng cộng 42.000.000 đồng và anh N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chiếc nón bảo hiểm, túi xách và chiếc điện thoại và không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích đồng thời làm đơn bãi nại cho các bị cáo.

Chiếc xe gắn máy (không rõ biển số) mà H dùng làm phương tiện chở N, Q đi cướp tài sản, H khai mượn của bạn tên C (không rõ địa chỉ) tại công viên Bãi Sậy, Quận N, sau khi phạm tội H trả cho C nên không có căn cứ để thu hồi.

Cây mã tấu dài khoảng 60 cm, sau khi Sơn dùng vào việc phạm tội đã vứt bỏ trên đường tàu thoát, không xác định được địa điểm cụ thể nên không có căn cứ để thu hồi.

Túi xách sau khi lấy tiền, điện thoại, S đưa cho H, H hiện không rõ lai lịch địa chỉ nên không có căn cứ để thu hồi.

Chiếc nón bảo hiểm của anh N bị S dùng mã tấu chém, do bị hư, anh N đã vứt bỏ không rõ địa điểm cụ thể nên không có căn cứ để thu hồi xử lý.

Vật chứng: 01 USB ghi cảnh N H S cùng đồng phạm cướp tài sản của anh N.

Ngày 08/01/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận N kết luận 01 điện thoại di động hiệu OPPO đã qua sử dụng, hàng nước ngoài sản có giá trị 2.400.000 đồng, 01 túi xách do không có hiệu, loại nên không định giá được.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 161/2019/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố H quyết định:

Tuyên bố các bị cáo N H S, P V N, L T H và V H Q phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 54, 58, 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo P V N 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/5/2019.

Ngoài ra bản án còn tuyên án đối với đồng phạm trong vụ án, về việc xử lý vật chứng, xử lý tài sản do phạm tội mà có; về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, bị cáo P V N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố H xử bị cáo mức hình phạt 05 (năm) năm tù là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu:

Đơn kháng cáo của bị cáo N làm trong thời hạn luật định là hợp lệ trong hạn luật định theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo N đã cùng đồng phạm dùng dao mã tấu là hung khí nguy hiểm chiếm đoạt tài sản người khác với vai trò giúp sức tích cực, tấn công người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "Cướp tài

sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ Luật hình sự là đúng người, đúng tội, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc vai trò, mức độ phạm tội, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, tính đến ngày phạm tội bị cáo N là người dưới 18 tuổi nên được áp dụng Khoản 1, Điều 101 của Bộ Luật hình sự để quyết định hình phạt, dù còn nhỏ tuổi nhưng bị cáo N không thể hiện sự ăn năn hối cải, trong lúc phạm tội và bị truy cứu về tội cố ý gây thương tích được áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm đi khỏi nơi cư trú lại phạm tội mới. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo P V N trình bày: Không có ý kiến về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Nghĩa các tình tiết: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, cha mẹ ly thân nên có ảnh hưởng tâm lý của bị cáo, dễ bị rủ rê, lôi kéo, cha của bị cáo bị bệnh nặng nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo có cơ hội chăm sóc cho cha.

Bị cáo không bào chữa bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

I. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo P V N làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung: Xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bị cáo P V N, người bào chữa và Kiểm sát viên đều thống nhất xác định bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội

[2] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, đã thật thà khai báo, gia đình các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn bãi nại cho các bị cáo, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi theo quy định tại Điểm b,s, khoản 1, 2, Điều 51, Điều 91; Khoản 1, Điều 101 của của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo P V N 05(năm) năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo nên để chấp nhận kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Ngày 27/9/2019, Tòa án nhân dân Quận N xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo kháng cáo và đã được Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm ngày 21/02/2020 tuyên y án đối với bị cáo nên sẽ tổng hợp bản án trên trong phần quyết định của bản án này.

[3] Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ các Điểm b,h, Khoản 2, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên bị cáo P V N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điểm a, Khoản 1, Điều 355 và 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ các Điểm b, h, Khoản 2, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo P V N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 161/2019/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố H:

2. Áp dụng các điểm d khoản 2 Điều 168, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 56, Khoản 1 Điều 101 của Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017

Xử phạt bị cáo P V N 05 (năm) năm tù, tổng hợp hình phạt với bản án số 80/2020/HS-PT ngày 21/2/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã xử phạt bị cáo 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Bị cáo phải chấp nhận hình phạt chung là: 08(tám) năm 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2019.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo P V N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự, án phi hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao; (1)
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố H; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố H; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H; (3)
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố H; (1)
- Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố H; (1)
- Công an Quận N, Thành phố H; (1)
- Trại tạm giam PC81B; (2)
- Công an Thành phố H (Phòng PC53); (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Thành phố H; (1)
- Thi hành án hình sự; (1)
- Người bị hại; (2)
- Lưu: VP, HS (TC 30)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên

Quách Thanh Bình

Hoàng Thị Bích Duyên